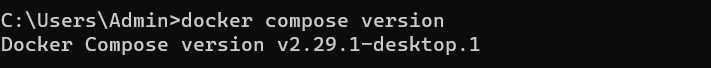
Phần 1: Một số lệnh Docker Compose cơ bản

1. docker compose version



1. docker compose up

Khởi chạy tất cả các service được định nghĩa trong docker-compose.yml.

A screen shot of a computer

AI-generated content may be incorrect.

1. docker compose up -d

Khởi chạy các service ở chế độ **nền (detached)**.

A screen shot of a computer

AI-generated content may be incorrect.

1. docker compose ps

Xem trạng thái của các container được tạo bởi Compose.

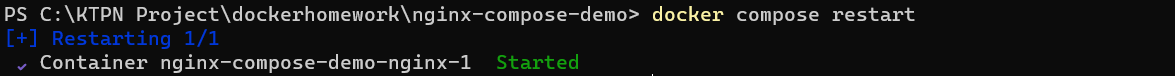
1. docker compose down

Dừng và xóa tất cả container, network do Compose tạo ra.



1. docker compose restart

Khởi động lại tất cả các container.



1. docker compose logs -f

Xem log của các container, -f giúp log hiển thị liên tục như tail -f.

A screen shot of a computer screen

AI-generated content may be incorrect.

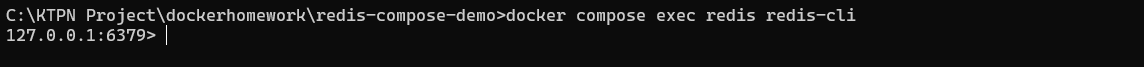
1. docker compose build

Build lại các image được định nghĩa trong file compose.



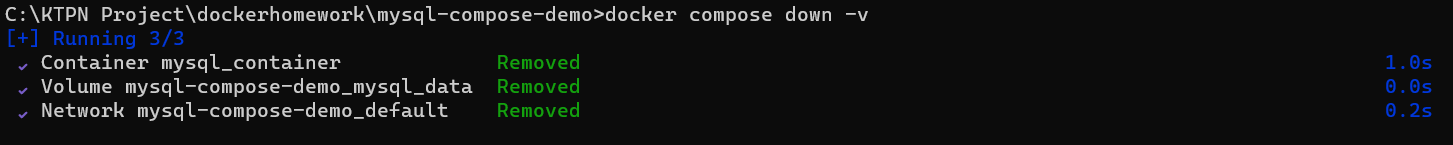
1. docker compose exec <service\_name> <command>

Chạy lệnh trong container đang chạy.



1. docker compose down -v

Dừng và xóa container + **xóa luôn volumes** (thường để làm sạch dữ liệu).



1. docker compose run <service\_name> <command>

Tạo và chạy một **container tạm thời** từ service.

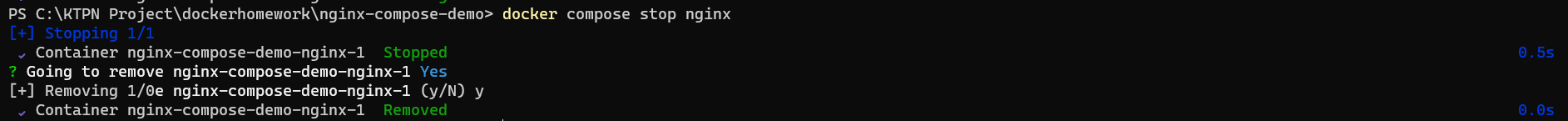
1. docker compose stop <service\_name>

Dừng container theo service cụ thể.



1. docker compose rm <service\_name>

Xóa container đã dừng của service đó.



1. docker compose config

Hiển thị file docker-compose.yml sau khi đã được parse (kiểm tra lỗi cú pháp).

A computer screen shot of a black screen

AI-generated content may be incorrect.

1. docker compose up -d --build

Build lại image và khởi chạy container ở chế độ nền.

